

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 114/2021/QĐST-HNGĐ

K, ngày 17 tháng 02 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K – THÀNH PHỐ H**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1093/2020/HNST ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1982;

Hộ khẩu thường trú: số 586/21, đường L, phường H, quận K, Thành phố H.

Chỗ ở: số 466/20/8, đường P, phường P, quận K, Thành phố H.

Người yêu cầu: Ông Võ Nam T, sinh năm 1978;

Hộ khẩu thường trú: số 586/21, đường L, phường H, quận K, Thành phố H.

Chỗ ở: số 466/20/8, đường P, phường P, quận K, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương T và ông Võ Nam T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2007, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 109/KH-HT, quyển số 01/2007 ngày 21/12/2007 do Ủy ban nhân dân phường H, quận K, Thành phố H cấp.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu ông, bà chung sống với nhau hạnh phúc. Đến cuối năm 2012 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng ý kiến, thường xuyên gây gổ, cãi vã với nhau về cách chăm sóc con cái, về chi tiêu tiền bạc trong gia đình..., tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Nay ông, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể tiếp tục nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 01 con chung là Võ Nguyễn Phương N, sinh ngày 14/02/2011. Sau khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T cấp

dưỡng nuôi con định kỳ 10.000.000 đồng/tháng. Đóng vào ngày đầu tiên hàng tháng. Bắt đầu thi hành từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành.

[3] Về tài sản chung: Bà T và ông T xác nhận không có.

Về nợ chung: Bà T và ông T xác nhận không có.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 02 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Phương T và ông Võ Nam T thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của bà T và ông T chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 109/KH-HT, quyển số 01/2007 ngày 21/12/2007 do Ủy ban nhân dân phường H, quận K, Thành phố H cấp cho bà T và ông T không còn giá trị pháp lý.

- *Về quan hệ con chung:* Bà T và ông T xác nhận có 01 con chung là Võ Nguyễn Phương N, sinh ngày 14/02/2011. Sau khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng nuôi con định kỳ 10.000.000 đồng/tháng. Đóng vào ngày đầu tiên hàng tháng. Bắt đầu thi hành từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

+ Trường hợp các bên lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà T, nếu ông T không thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng ông T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà T và ông T xác nhận không có.
- Về nợ chung: Bà T và ông T xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án:

Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do bà Nguyễn Thị Phương T và ông Võ Nam T chịu, được trừ vào tiền tạm ứng 300.000 đồng bà T và ông T đã nộp theo Biên lai thu số 0071500 ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND phường H, quận K;
- Lưu: VP, HS (Đào).

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thùy Trang